

V/v Thông báo điều chỉnh thông tin sản phẩm sau khi tự
công bố.

Re: Product information adjustment announcement after
Self-declaration

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness
Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Vinh Phuc, date... month.... year 2025

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc

To: Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Sở Nông
Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc trong thời gian qua.

*Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. would like to sincerely thanks for support of the Ministry
of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc towards our unit during the past period.*

Ngày 25/11/2024 Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật là đơn vị thực hiện tự công bố các
sản phẩm theo trình tự tại Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định về nội dung Hướng dẫn
Luật An toàn Thực phẩm, bao gồm:

*On 25th November 2024 Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. completed the self-declaration
of products in accordance with the procedures specified in Article 5 of Decree 15/2018/ND-CP,
which provides guidance on the Food Safety Law, including:*

STT. No.	Số hồ sơ Document no.	Ngày công bố Date	Tên sản phẩm Name product
1	03/JVL-TD/2024	25/11/2024	BỘ LÒNG BÒ (OFFALS SET)

Bằng thông báo này, căn cứ theo Khoản 4, Điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi
tiết về một số nội dung của Luật An toàn Thực phẩm, Công ty xin thông báo đến Quý cơ quan về
việc điều chỉnh một số thông tin trong Hồ sơ công bố sản phẩm như sau:

*By this notice, based on Clause 4, Article 5, Decree 15/2018/ND-CP detailing some
contents of the Law on Food Safety, the Company informs the relevant authorities about the
adjustment of some information in the Product Announcement Dossier as follows:*

NỘI DUNG THAY ĐỔI/ CONTENT OF CHANGES

Bổ sung mã sản phẩm số 26 tại mục II.3 Thời hạn sử dụng sản phẩm, nội dung sau khi điều
chỉnh như sau:

Add product code No.26 to Section II.3 Product Shelf Life. The revised content is as follows:

- 6 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.
- *6 days from the date of production for products stored under conditions of (-2°C) – 2°C.*
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.
- *12 months from the date of manufacture for products stored at conditions below -18°C.*

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

MFG date can be found on the label or the sub-label.



STT. No	Mã sản phẩm – <i>Product code</i>	Hạn sử dụng - <i>Shelf-life</i>	
		Bảo quản mát/ <i>Chilled</i> (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông/ <i>Frozen</i> ≤ -18°C
1	Dạ cỏ bò (Khăn lông) nguyên da - Green Tripe Skin-on	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
2	Dạ cỏ bò (Khăn lông) cao cấp - Premium Tripe	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
3	Dạ cỏ bò (Khăn lông) thường - Normal Tripe	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
4	Tổ ong bò có da - Honeycomb tripes skin-on	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
5	Tổ ong bò không da - Honeycomb tripes skin-off	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
6	Lá sách bò – Omasum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
7	Múi khế bò – Abomasum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
8	Lòng non bò lộn - Small Intestines (Reversed)	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
9	Lòng non bò cắt - Small Intestines (Cut)	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
10	Lòng già bò - Large Intestines	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
11	Thú Linh bò – Rectum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
12	Khẩu Đuôi bò – Appendix	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
13	Tim bò – Heart	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
14	Cuống Tim bò – Aorta	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
15	Gan bò – Liver	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
16	Phổi bò – Lung	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
17	Lá lách bò – Spleen	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
18	Cuống Họng bò – Trachea	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
19	Thực quản bò – Esophagus	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
20	Màng Tim bò – Pancreas	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
21	Sỏi Mật bò - Gallbladder Stone	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
22	Dạ con bò – Uterus	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
23	Thận bò – Kidney	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
24	Lá lách cổ bò - Neck Sweetbread	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
25	Hồi tràng bò - Distal Ileum	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>
26	Kabu (Abomasum) – Lõi khế bò	6 ngày/ <i>days</i>	12 tháng/ <i>months</i>

Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không thay đổi với các thông tin đã công bố. Đính kèm là Hồ sơ Tự Công bố số 03/JVL-TD/2024 đã được điều chỉnh, bổ sung ngày 03/06/2025.

Japan Vietnam Livestock Co., Ltd. assures that the product quality and information about the product's name, origin, and composition remain unchanged as desclared. Attached is the updated and supplemented Self-Declaration No. 03/JVL-TD/2024, dated 03/06/2025.

Kính đề nghị Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Vĩnh Phúc tiếp nhận và lưu trữ thông tin hồ sơ sản phẩm, tạo điều kiện cho Đơn vị sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

We respectfully request that the Ministry of Agriculture and Rural Development Vinh Phuc receive and maintain the product dossier information, as well as assist our unit's production and commercial activities to better serve customers.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Respectfully,

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu tại HCNS/ *Saved at HRGA*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION



YOICHI HARUMOTO

YH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/JVL-TD/2024

(Điều chỉnh theo thông báo số 0306-02/TB-JVL.QAC/2025 ban hành ngày 03/06/2025)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38626769

E-mail: JVLcompany.info@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 02/2024/NNPTNT-VP

Ngày cấp: 25/10/2024 tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Vĩnh Phúc (cấp cho Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘ LÒNG BÒ.

2. Thành phần: 100% Nội tạng bò.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 6 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản $(-2^{\circ}\text{C}) - 2^{\circ}\text{C}$.
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT.	Mã sản phẩm	Hạn sử dụng	
		Bảo quản mát (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông $\leq -18^{\circ}\text{C}$
1	Dạ cỏ bò (Khăn lông) nguyên da - Green Tripe Skin-on	6 ngày	12 tháng
2	Dạ cỏ bò (Khăn lông) cao cấp - Premium Tripe	6 ngày	12 tháng
3	Dạ cỏ bò (Khăn lông) thường - Normal Tripe	6 ngày	12 tháng
4	Tổ ong bò có da - Honeycomb tripe skin-on	6 ngày	12 tháng

5	Tổ ong bò không da - Honeycomb tripes skin-off	6 ngày	12 tháng
6	Lá sách bò – Omasum	6 ngày	12 tháng
7	Múi khế bò – Abomasum	6 ngày	12 tháng
8	Lòng non bò lộn - Small Intestines (Reversed)	6 ngày	12 tháng
9	Lòng non bò cắt - Small Intestines (Cut)	6 ngày	12 tháng
10	Lòng già bò - Large Intestines	6 ngày	12 tháng
11	Thú Linh bò – Rectum	6 ngày	12 tháng
12	Khẩu Đuôi bò – Appendix	6 ngày	12 tháng
13	Tim bò – Heart	6 ngày	12 tháng
14	Cuống Tim bò – Aorta	6 ngày	12 tháng
15	Gan bò – Liver	6 ngày	12 tháng
16	Phổi bò – Lung	6 ngày	12 tháng
17	Lá lách bò – Spleen	6 ngày	12 tháng
18	Cuống Họng bò – Trachea	6 ngày	12 tháng
19	Thực quản bò – Esophagus	6 ngày	12 tháng
20	Màng Tim bò – Pancreas	6 ngày	12 tháng
21	Sỏi Mật bò - Gallbladder Stone	6 ngày	12 tháng
22	Dạ con bò – Uterus	6 ngày	12 tháng
23	Thận bò – Kidney	6 ngày	12 tháng
24	Lá lách cổ bò - Neck Sweetbread	6 ngày	12 tháng
25	Hồi tràng bò - Distal Ileum	6 ngày	12 tháng
26	Kabu (Abomasum) – Lõi khế bò	6 ngày	12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa bao gói kín đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

+ Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Không có

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP và nghị định 111/2021/NĐ-CP Quy định về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



YOICHI HARUMOTO

37C
TY
H
NUC
HÀ
HP

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 03/JVL-TD/2024)

1. Các chỉ tiêu cảm quan

Ngoại quan: Không có tạp chất quan sát được bằng mắt thường.

Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm.

Mùi: Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.

Cấu trúc: Mềm, đàn hồi, liên kết chặt chẽ.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

Chỉ tiêu	Mức công bố
1. Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5 \times 10^5$
2. <i>E. coli</i> , cfu/g	$\leq 5 \times 10^2$
3. <i>Salmonella</i> /25 g	Không phát hiện

3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức công bố
1. Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$
2. Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$

4. Dư lượng thuốc thú y: phù hợp với quy định trong Thông tư số 24/2013/TT-BYT “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế”

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phù hợp với quy định trong Thông tư số 50/2016/TT-BYT “Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế”.



Đính kèm Bản tự công bố số: 03/JVL-TD/2024 - Ngày: 03/06/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện mát



Mã sản phẩm:

Mã code:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Điều kiện bảo quản:

Lô sản xuất:

Khối lượng tịnh: kg



YOICHI HARUMOTO

Đính kèm Bản tự công bố số: 03/JVL-TD/2024 - Ngày: 03/06/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện đông lạnh



Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

YOICHI HARUMOTO